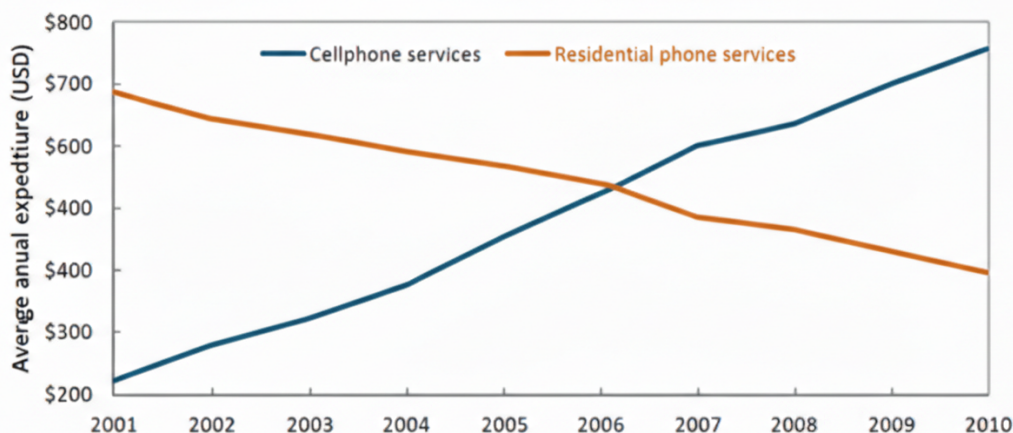


WRITING TASK 1 CHALLENGE 10

DẠNG: LINE GRAPH

The line graph below shows the average annual expenditures on cell phone and residential phone services in the US between 2001 and 2010

Chart 1. Average annual expenditures on cell phone and residential phone services, 2001–2010



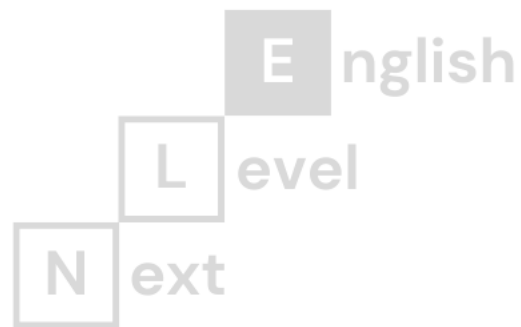
SOURCE: U.S. Bureau of Labor Statistics, Consumer Expenditure Survey

BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý) cho bài (có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì)
- 2/ Xác định 1-2 điểm nổi bật nhất và chung nhất để làm câu nhận xét tổng quan (overview) + Các key features mà bạn sẽ mô tả về chart (Body paragraphs)



BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 150 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 20 phút.



BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng**Sample essay (Simon_band 9.0)**

The line graph compares average yearly spending by Americans on mobile and landline phone services from 2001 to 2010.

It is clear that spending on landline phones fell steadily over the 10-year period, while mobile phone expenditure rose quickly. The year 2006 marks the point at which expenditure on mobile services overtook that for residential phone services.

In 2001, US consumers spent an average of nearly \$700 on residential phone services, compared to only around \$200 on cell phone services. Over the following five years, average yearly spending on landlines dropped by nearly \$200. By contrast, expenditure on mobiles rose by approximately \$300.

In the year 2006, the average American paid out the same amount of money on both types of phone service, spending just over \$500 on each. By 2010, expenditure on mobile phones had reached around \$750, while the figure for spending on residential services had fallen to just over half this amount.

(155 words)

1/ Structure essay (dàn ý):**Paragraph 1 – Introduction**

- Paraphrases the task question.
- States what is compared (types of phone services, average yearly spending, period, country).

Paragraph 2 – Overview

- Summarises the main trends without data.
- Highlights two key features:
 - Spending on landline services declined steadily.
 - Mobile phone expenditure rose rapidly and overtook landline spending in 2006.

Paragraph 3 – Details (2001–2006)

- Provides figures for 2001.
- Describes the decline in landline spending.
- Reports the sharp increase in mobile phone expenditure.

Paragraph 4 – Details (2006–2010)

- Describes the point where spending on both services was equal.
- Highlights the divergence between mobile and landline spending by 2010.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
The line graph compares average yearly spending by Americans on mobile and landline phone services from 2001 to 2010 .	Biểu đồ đường so sánh mức chi tiêu trung bình hằng năm của người Mỹ cho dịch vụ điện thoại di động và điện thoại cố định từ năm 2001 đến 2010 .
It is clear that spending on landline phones fell steadily over the 10-year period , while mobile phone expenditure rose quickly . The year 2006 marks the point at which expenditure on mobile services overtook that for residential phone services.	Có thể thấy rõ rằng chi tiêu cho điện thoại cố định giảm đều trong giai đoạn 10 năm , trong khi chi tiêu cho điện thoại di động tăng nhanh . Năm 2006 đánh dấu thời điểm mà chi tiêu cho dịch vụ di động vượt qua chi tiêu cho điện thoại cố định.
In 2001 , US consumers spent an average of nearly \$700 on residential phone services, compared to only around \$200 on cell phone services. Over the following five years , average yearly spending on landlines dropped by nearly \$200. By contrast , expenditure on mobiles rose by approximately \$300.	Năm 2001 , người tiêu dùng Mỹ chi trung bình khoảng gần 700 đô la cho dịch vụ điện thoại cố định, so với chỉ khoảng 200 đô la cho điện thoại di động. Trong năm năm tiếp theo , chi tiêu trung bình hằng năm cho điện thoại cố định giảm khoảng 200 đô la. Trái lại , chi tiêu cho điện thoại di động tăng khoảng 300 đô la.
In the year 2006 , the average American paid out the same amount of money on both types of phone service, spending just over \$500 on each. By 2010 , expenditure on mobile phones had reached around \$750, while the figure for spending on residential services had fallen to just over half this amount .	Vào năm 2006 , người Mỹ trung bình chi ra cùng một khoản tiền cho cả hai loại dịch vụ điện thoại, với mức hơn một chút 500 đô la cho mỗi loại. Đến năm 2010 , chi tiêu cho điện thoại di động đã đạt khoảng 750 đô la, trong khi chi tiêu cho dịch vụ điện thoại cố định đã giảm xuống chỉ còn hơn một nửa mức này .

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ Vocabulary:

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
average yearly spending	n phr	chi tiêu trung bình hằng năm	annual expenditure; average annual spending	-
it is clear that	structure	có thể thấy rõ ràng	it is evident that; it can be seen that	-
fell steadily	v + adv	giảm đều	declined steadily; decreased gradually	rose steadily

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
expenditure rose quickly	n + v + adv	chi tiêu tăng nhanh	spending increased rapidly; expenditure rose sharply	-
marks the point at which	structure	đánh dấu thời điểm mà	indicates when; marks when	-
overtook	v	vượt qua	surpassed; exceeded	fell behind
an average of	n phr	trung bình	on average; a mean of	-
compared to	prep phr	so với	in comparison with; relative to	-
over the following five years	prep phr	trong năm năm tiếp theo	in the next five years; over the subsequent five years	-
dropped by	v phr	giảm một lượng	decreased by; fell by	increased by
rose by approximately	v phr	tăng khoảng	increased by roughly; rose by around	fell by
paid out	v phr	chi trả	spent; paid	-
had reached	v (past perfect)	đã đạt tới	had risen to; had attained	-
had fallen to	v (past perfect)	đã giảm xuống	had dropped to; had declined to	-
half this amount	n phr	một nửa con số này	50% of this figure; half of this amount	-

3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay dành cho Writing Task 1:

Cấu trúc	Nghĩa tiếng Việt	Cách dùng	Ví dụ trong bài
The line graph compares ... from ... to ...	Biểu đồ đường so sánh ... từ ... đến ...	Dùng trong Introduction để giới thiệu đối tượng và mốc thời gian của biểu đồ	<i>The line graph compares average yearly spending on phone services from 2001 to 2010.</i>
It is clear that + clause	Có thể thấy rõ rằng...	Dùng trong Overview để nêu xu hướng chính, không cần số liệu	<i>It is clear that Internet usage increased in all three countries.</i>
A fell steadily, while B rose quickly	A giảm đều trong khi B tăng nhanh	Dùng để so sánh hai xu hướng đối lập trong cùng một câu	<i>Internet usage in Mexico rose slowly, while figures</i>



Cấu trúc	Nghĩa tiếng Việt	Cách dùng	Ví dụ trong bài
			<i>for Canada increased rapidly.</i>
marks the point at which A overtook B	đánh dấu thời điểm A vượt B	Dùng khi hai đường trên line graph giao nhau	<i>The year 2005 marks the point at which mobile phone spending overtook landline services.</i>
dropped by ... / rose by approximately ...	giảm / tăng khoảng ...	Dùng để nhấn mạnh lượng thay đổi , không phải mức cuối	<i>Spending on landline services dropped by around \$200.</i>
had reached / had fallen to	đã đạt tới / đã giảm xuống còn	Dùng khi mô tả trạng thái tại một mốc thời gian cụ thể trong quá khứ , thường là mốc cuối	<i>By 2009, Internet usage had reached almost 100% in Canada.</i>

BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?

